TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **70** /2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 02 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

Ông **Phạm Văn T** – sinh ngày: 15/4/1985; Địa chỉ: 43/34 đường T, Tổ 37, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Trần Thị H** – sinh ngày: 23/3/1986; HKTT: 43/34 đường T, Tổ 37, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số

258, quyển số 01 ngày 05/11/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H xác định: Quá trình chung sống hai phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không thống nhất về cách nuôi dạy con cái nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông T, bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T, bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H xác định có 02 con chung là Phạm Trung H – sinh ngày 18/4/2008 và Phạm Mai A - sinh ngày 22/3/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (tương đương 2.500.000 đồng/con) vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện và phù hợp nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: ông T, bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông T và bà H mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001988 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị H *(Giấy chứng nhận kết hôn số 258 ngày 05/11/2007 do UBND phường T, quận S, Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H xác định có 02 con chung là Phạm Trung H – sinh ngày 18/4/2008 và Phạm Mai A - sinh ngày 22/3/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao 02 con cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (tương đương 2.500.000 đồng/con) vào ngày 28 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: ông T, bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông T và bà H mỗi người chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001988 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường T, quận S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh